

## **BẢN TIN DỰ BÁO MÙA (cập nhật)**

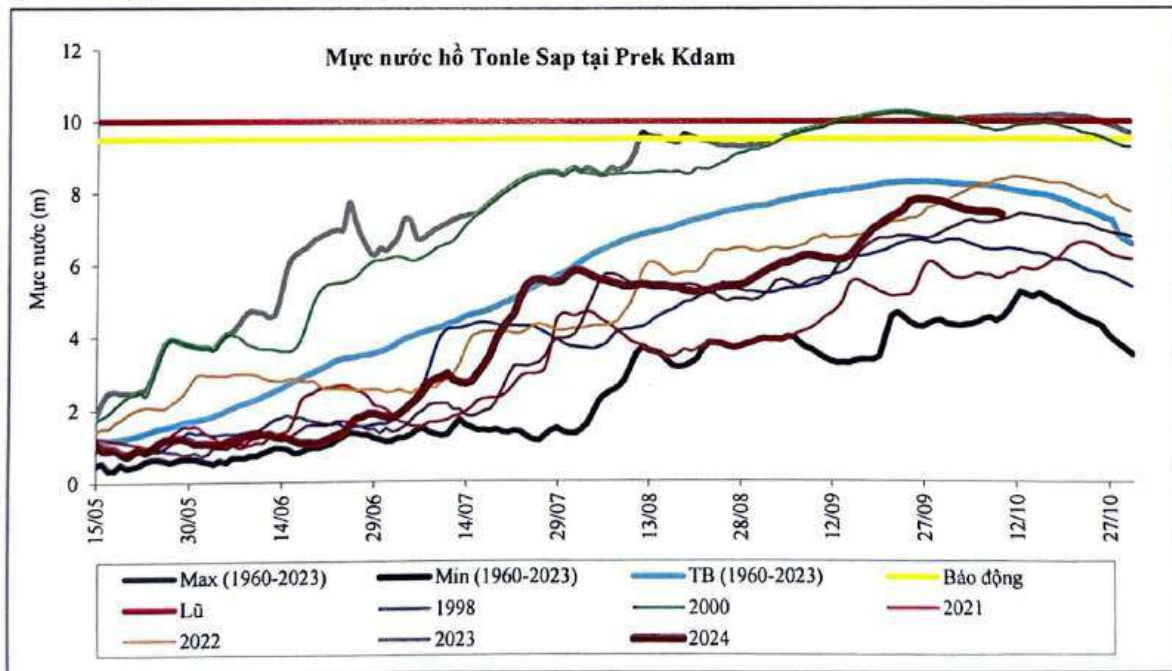
### **DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIẾT VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2024 (Vụ Đông Xuân 2024-2025)**

#### **1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG**

Hiện nay, thượng nguồn lưu vực sông Mê Công đang vào cuối mùa mưa lũ, mực nước tại khu vực biển hồ Tonle Sap và thượng nguồn ĐBSCL tại Tân Châu đang trong giai đoạn đỉnh lũ, tiếp theo sẽ bắt đầu thời kì-lũ rút và ngập do triều cường. Ba yếu tố thượng lưu quan trọng đến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap), trữ lượng các hồ chứa và nguồn nước trên dòng chính sông Mê Công. Dưới đây là hiện trạng của các yếu tố này (cập nhật đến ngày 10/10/2024).

##### **1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)**

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 10/10 ở cao trình 7,39m; hồ hiện còn trong giai đoạn tích nước, mực nước hồ hiện thấp hơn so với trung bình nhiều năm 0,82m. Dung tích hồ hiện hữu khoảng 42,0 tỷ m<sup>3</sup>, cao hơn so với cùng thời kỳ TBNN khoảng 1,8 tỷ m<sup>3</sup>, cao hơn năm 2023 và 2016 lần lượt là 2,6 tỷ m<sup>3</sup> và 4,6 tỷ m<sup>3</sup>; thấp hơn so với lượng trữ năm 2022 khoảng 9,2 tỷ m<sup>3</sup>.



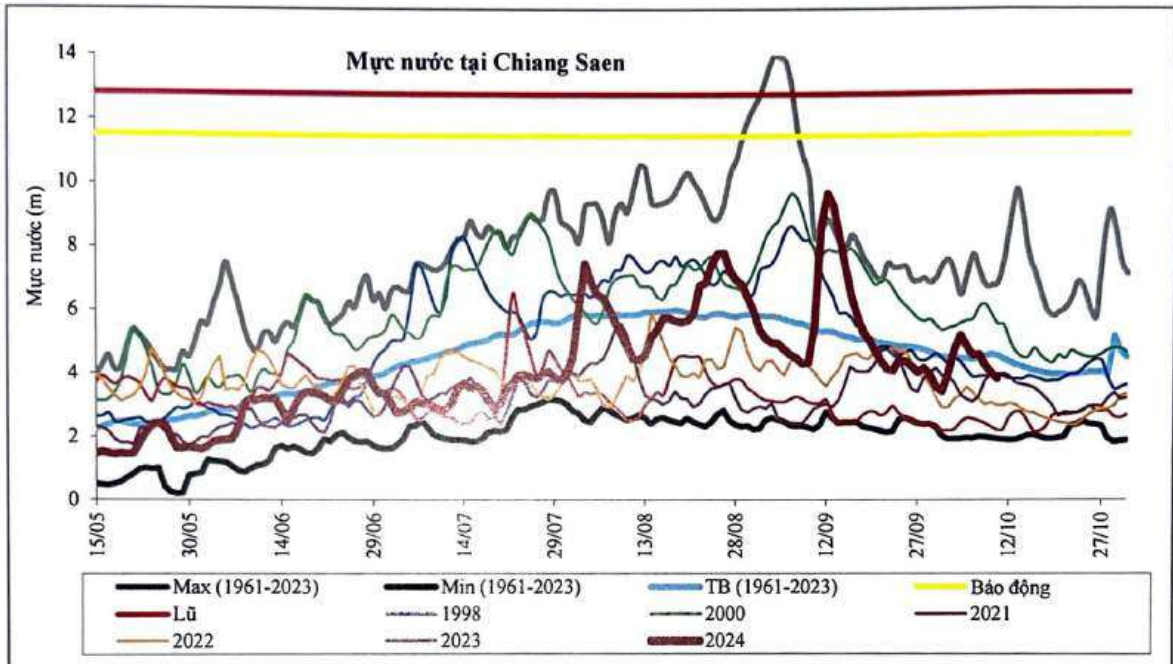
Hình 1: Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 10/10

##### **1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công**

Diễn biến mực nước đến ngày 10/10/2024 tại trạm Chiang Saen và Kratie trên

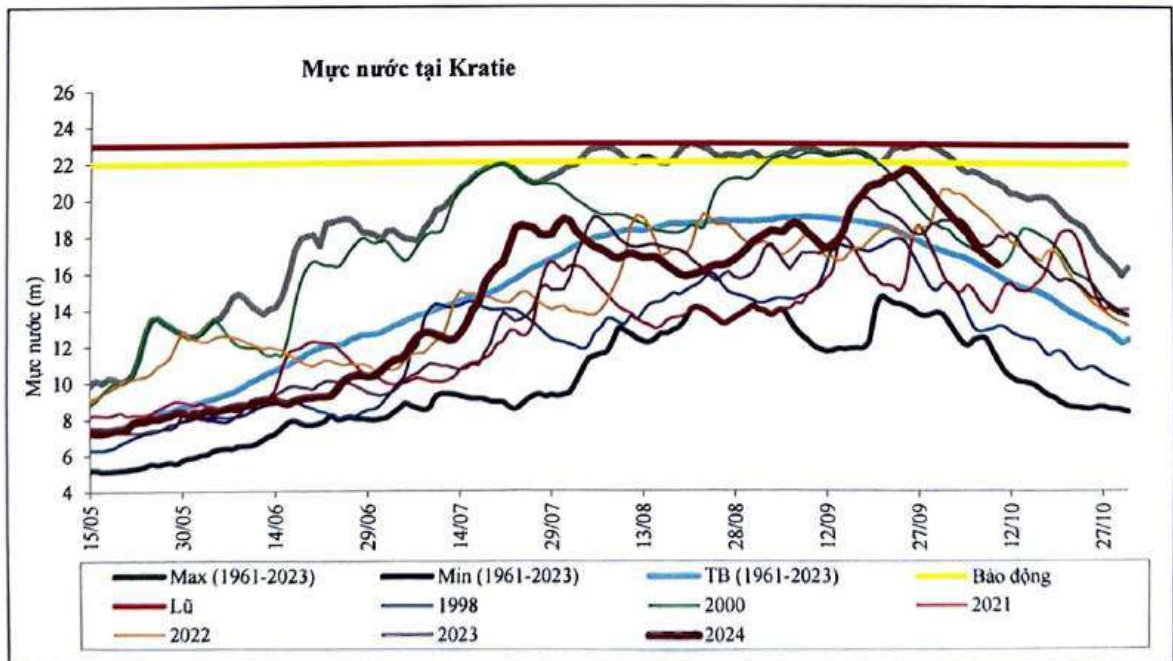
dòng chính sông Mê Công được đưa ra ở Hình 2 và Hình 3. Từ biểu đồ cho thấy, dòng chảy mùa lũ 2024 khá thấp, nhỏ hơn so với trung bình nhiều năm. Đến thời điểm hiện tại có sự gia tăng rõ rệt dòng chảy về Kratie do tác động của mưa lớn từ bão Yagi, cụ thể như sau:

- Mức nước tại trạm Chiang Saen (Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km) hiện tại (ngày 10/10) ở mức 3,85m, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 0,7m.



Hình 2: Diễn biến mực nước (cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 10/10

- Tại trạm Kratie (đầu châu thổ Mê Công), mực nước cập nhật ngày 10/10 là 16,43m, tương đương với lưu lượng 24.000 m<sup>3</sup>/s. Tương đương so với cùng kỳ TBNN, thấp hơn khoảng 1,6m so với cùng kỳ năm 2023, dòng chảy thuộc nhóm năm trung bình.



Hình 3: Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 10/10

- Mức nước lớn nhất đầu nguồn đồng bằng hiện cao hơn so với bình quân nhiều năm từ 2010 đến nay khoảng 0,33m đến 0,41m tại Châu Đốc và Tân Châu.

### 1.3. Dự báo mưa và trữ nước ở các hồ chứa thượng nguồn

Theo số liệu cập nhật của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC), điều kiện khí hậu đang tiếp tục ở trạng thái ENSO trung tính, giai đoạn tháng 10 đến tháng 12/2024 nghiêng về La Niña với xác suất khoảng 60%, La Niña sẽ tiếp tục ở giai đoạn Tháng 11-Tháng 1 (62%), Tháng 12-Tháng 2 (57%) và Tháng 1 đến Tháng 3/2025 là 49%.

Dự báo mưa lưu vực Mê Công từ nay đến tháng 12/2024: khu vực thượng nguồn lưu vực thuộc Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan và Bắc Lào mưa bằng hoặc thấp hơn trung bình nhiều năm. Khu vực hạ nguồn thuộc Nam Lào, Campuchia và Tây Nguyên có mưa dự báo bằng hoặc cao hơn trung bình nhiều năm. Hạ nguồn có mưa trái mùa ở các tháng 1 đến tháng 3.

Tính đến 10/10 tổng dung tích nước trữ trên các hồ chứa ở lưu vực Mê Công đã có khoảng 55,7 tỷ m<sup>3</sup>, trong đó các hồ chứa thuộc Trung Quốc có khoảng 21,4 tỷ m<sup>3</sup>, các hồ chứa ở hạ lưu vực Mê Công có khoảng 34,3 tỷ m<sup>3</sup>. Bình quân cả lưu vực đạt 85% tổng dung tích hữu ích của các hồ. Thiếu hụt lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực vào khoảng 9 tỷ m<sup>3</sup>.

Mức nước Biên hồ Tonle Sap tại Kampong Luong ngày 10/10 ở mức 7,64m tương đương với lượng trữ là 40,0 tỷ m<sup>3</sup>.

### 1.4. Dự báo thời kì lũ rút phục vụ chỉ đạo xuống giống vụ Đông Xuân 2024-2025

Do triều cường cao các tháng cuối năm làm nước xuống chậm có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ xuống giống ở các địa phương. Dự báo mực nước lớn nhất tại một số khu vực trên đồng bằng đến cuối Tháng 11 và giữa Tháng 12 như Bảng 1. Mực nước lũ thượng nguồn ĐBSCL tại Tân Châu đã đạt đỉnh 3,38m ngày 4/10, dự báo tiếp tục duy trì cao trên 3m đến 23/10. Tại vùng ven biển và trung tâm đồng bằng, dự báo mực nước sẽ đạt đỉnh vào kỳ triều cường cuối tháng 10, tại Cần Thơ ngày 18-21/10 ở mức 2,20m-2,30m và Mỹ Thuận là 2,15m-2,20m. Mực nước vùng ven biển và trung tâm đồng bằng tiếp tục cao trở lại ở các kỳ triều cường 3-7/11 và 16-19/11, ngày 3-5/12 nhưng ở mức thấp hơn so với kỳ triều 18-21/10.

Nhìn chung đến cuối tháng 11 lũ rút. Đáng chú ý, trong cả Tháng 11, các khu vực cấp theo Sông Tiền, Sông Hậu còn duy trì cao do ảnh hưởng của triều cường. Mực nước lớn nhất hàng ngày ở vùng trung tâm đồng bằng tại Mỹ Thuận, Cần Thơ thường duy trì cao hơn 1,6m phần lớn thời gian ở Tháng 10 và Tháng 11. Vì vậy, để đảm bảo mực nước hợp lý cho sản xuất vụ Đông Xuân cần chủ động be bờ và gạn nước khi triều xuống hoặc chủ động bơm rút nước ra (nếu cần) để đảm bảo thời vụ sản xuất.

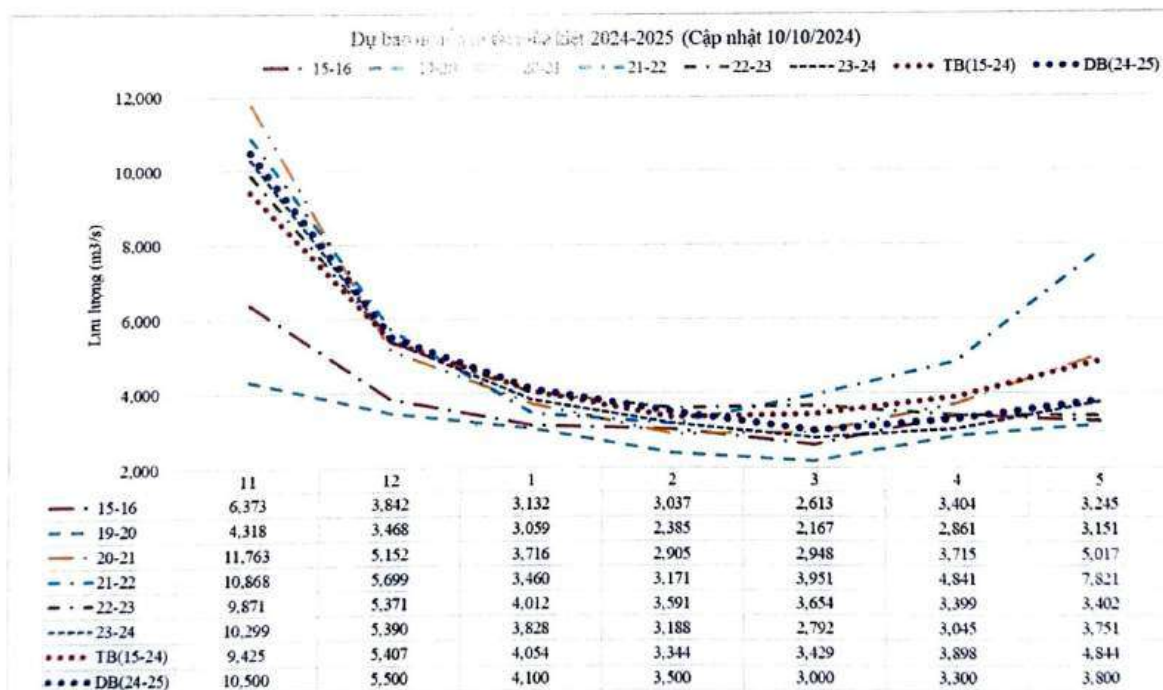
Bảng 1: Mực nước lớn nhất kỳ triều cường cuối tháng 9/2024, hiện tại và dự báo đến 15/12/2024

| Trạm / ngày | Mực nước max kì triều cuối tháng 09/2024 |       | Mực nước max đến nay (m) |       | Mực nước dự báo (m) |       |       |
|-------------|------------------------------------------|-------|--------------------------|-------|---------------------|-------|-------|
|             | 03/09                                    | 21/09 | 4/10                     | 10/10 | 20/10               | 30/11 | 15/12 |
| Tân Châu    | 2,41                                     | 3,10  | 3,38                     | 3,09  | 3,20                | 2,00  | 1,95  |
| Châu Đốc    | 2,34                                     | 2,85  | 3,14                     | 2,89  | 2,91                | 1,85  | 1,80  |
| Vàm Nao     | 2,15                                     | 2,68  | 2,86                     | 2,49  | 2,86                | 1,83  | 1,85  |
| Mỹ Thuận    | 1,54                                     | 1,97  | 2,05                     | 1,48  | 2,20                | 1,87  | 1,84  |

| Trạm / ngày | Mức nước max kỉ triều cuối tháng 09/2024 |       | Mức nước max đến nay (m) |       | Mức nước dự báo (m) |       |       |
|-------------|------------------------------------------|-------|--------------------------|-------|---------------------|-------|-------|
|             | 03/09                                    | 21/09 | 4/10                     | 10/10 | 20/10               | 30/11 | 15/12 |
| Cần Thơ     | 1,63                                     | 2,05  | 2,06                     | 1,55  | 2,30                | 2,00  | 1,95  |
| Chợ Lách    | -                                        | 1,87  | 1,88                     | 1,39  | 2,20                | 1,86  | 1,84  |
| Cao Lãnh    | -                                        | 2,33  | 2,38                     | 1,82  | 2,38                | 1,95  | 1,85  |
| Phụng Hiệp  | 1,28                                     | 1,54  | 1,62                     | 1,41  | 1,85                | 1,55  | 1,60  |
| Long Định   | 0,96                                     | 1,21  | 1,27                     | 1,07  | 1,60                | 1,35  | 1,50  |
| Tri tôn     | 1,13                                     | 1,41  | 1,73                     | 1,91  | 1,75                | 1,20  | 1,00  |

## 2. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ NĂM 2024-2025 VỀ ĐBSCL

Với tổng lượng nước trữ trên các hồ chứa trên lưu vực đến hiện nay khoảng 56 tỷ m<sup>3</sup> có thể cấp cho hạ du, và lượng trữ biển hồ Tonle Sap vào khoảng 40 tỷ m<sup>3</sup>, thấp hơn trung bình giai đoạn 2010-2023 vào khoảng 0,83 tỷ m<sup>3</sup>. Dự báo tổng lượng dòng chảy tháng 10 và tháng 11 về Châu Thổ Mê Công (qua Kratie) vào khoảng 80 đến 90 tỷ m<sup>3</sup>. Thời gian tới, các hồ chứa trên lưu vực sẽ còn tiếp tục tích trữ thêm nước đến giữa tháng 11, do đó dự báo dòng chảy các tháng đầu mùa khô sẽ gần với trạng thái tự nhiên hơn.



Hình 4: Dự báo nguồn nước qua trạm Kratie mùa kiệt 2024-2025 so với một số năm

Với đặc điểm nguồn nước mùa kiệt dự báo, dưới đây là dự báo nguồn nước cho các vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ có thuận lợi hơn về nguồn nước so với các vùng khác trên đồng bằng. Dự báo từ tháng 12/2024 đến tháng 2/2025, mức nước bình quân bằng và cao hơn so với trung bình những năm gần đây.

- Vùng giữa và ven biển ĐBSCL, Tháng 12 đến tháng 1 ranh mặn 4g/l xâm nhập sâu 25-30km, cuối tháng 2 đến tháng 4 ranh mặn 4 g/l có thể vào sâu 45-60km. Mặn bắt

thường có thể ảnh hưởng đến các vùng cửa sông Mê Công thuộc Bến Tre, Sóc Trăng và Trà Vinh. Việc vận hành bất thường của các công trình thủy điện ở thượng nguồn và thời tiết cực đoan có thể làm mặn vào sâu hơn, 50 – 65km. Từ nửa cuối tháng 4 đến cuối mùa khô, mặn có xu thế giảm trên các cửa sông chính, ranh mặn 4g/l từ 40-50km, một số thời kỳ mặn thấp thuận lợi cho việc lấy nước ngọt.

### **3. KHUYẾN NGHỊ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025**

Dự báo nguồn nước mùa khô năm 2024-2025 được xem là năm có điều kiện thời tiết thuận lợi hơn so với năm 2024 vừa qua do ENSO dự báo ở pha trung tính và nghiêng về ảnh hưởng của La Nina, bên cạnh đó, các hồ chứa thượng nguồn tích được nhiều nước hơn so với cùng kỳ ở năm 2023, khả năng các hồ tích nước không kéo dài đến đầu mùa khô 2024-2025 nên dòng chảy với trạng thái tự nhiên hơn ở giai đoạn tháng 12 đến tháng 1/2025, vì vậy mặn bớt căng thẳng đầu mùa khô nếu không có những vận hành bất thường. Giai đoạn giữa và cuối mùa khô, dòng chảy thấp hơn trung bình nhiều năm và phụ thuộc vào vận hành thủy điện. Vì vậy, song song với xây dựng kế hoạch xuống giống phù hợp với điều kiện của vùng, các địa phương cần chủ động chuẩn bị các giải pháp ứng phó, phòng chống hạn mặn. Dưới đây là một số khuyến nghị cho từng vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: lũ ở mức thấp với hệ thống bờ bao hiện có cơ bản đảm bảo chủ động sản xuất vụ Đông Xuân trong vùng theo kế hoạch.

- Vùng giữa ĐBSCL: phần lớn diện tích đã được kiểm soát lũ và triều cường, chủ động xuống giống vụ Đông Xuân với đủ diện tích theo kế hoạch. Đề phòng ngập triều do lũ kết hợp triều cường vào dịp cuối tháng 10 và các kỳ triều cường ở tháng 11. Trong thời kỳ mùa khô, tháng 3 và tháng 4 mặn có thể ảnh hưởng sâu nhất đến khu vực, cần vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và chủ động tích nước khi có thể. Khi lấy nước ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả.

- Vùng ven biển ĐBSCL: ranh mặn 4g/l có thể vào sâu đến 25-30km giai đoạn tháng 12-tháng 1 và có thể ảnh hưởng toàn vùng ở tháng 2 đến tháng 4 vì vậy cần xuống giống sớm ở vụ Đông Xuân. Mặn có nguy cơ ảnh hưởng đến các huyện ven biển thuộc Tiền Giang, Bến Tre, ven biển Trà Vinh và Sóc Trăng, cần chuyển đổi sản xuất vụ Đông Xuân, lựa chọn loại cây chịu hạn, ít sử dụng nước, chủ động các giải pháp cấp bù nước. Với khu vực sản xuất lúa-tôm cần đề phòng thiếu mặn đầu vụ nuôi tôm các khu vực Bạc Liêu (Hồng Dân), Kiên Giang (U Minh Thượng, Vĩnh Thuận).

### **4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ**

Dự báo Tháng 11 lũ sẽ rút nhanh, đáng chú ý, các khu vực cặp theo Sông Tiền, Sông Hậu mực nước còn cao trở lại vào các dịp triều cường. Mực nước lớn nhất hàng ngày tại vùng trung tâm đồng bằng tại Mỹ Thuận, Cần Thơ thường duy trì cao hơn 1,6m ở tháng 10 và tháng 11, vì vậy để đảm bảo điều kiện sản xuất vụ Đông Xuân người dân cần chủ động be bờ và tiêu gạn nước khi triều xuống hoặc chủ động bơm rút nước ra (nếu cần) để đảm bảo thời vụ sản xuất và phòng chống hạn mặn cho vụ Đông Xuân 2024-2025.

Tiềm năng nguồn nước về đồng bằng ở mùa kiệt năm 2024-2025 được dự báo ở mức xấp xỉ trung bình ở các tháng đầu mùa kiệt và thấp hơn trung bình ở các tháng cuối mùa kiệt. Dự báo xâm nhập mặn mùa khô năm 2024-2025 sẽ cao nhất ở cuối tháng 2 đến tháng 4 làm ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng ven biển ĐBSCL. Mặc dù dự báo có ảnh hưởng của La Nina, tuy nhiên dòng chảy kiệt phụ thuộc rất lớn vào vận hành của thủy điện trên lưu vực, vận hành bất thường có thể làm dòng

chảy về đồng bằng thấp hơn dự báo ở một số giai đoạn, khi đó xâm nhập mặn có thể bất lợi hơn. Vì vậy, để đề phòng các rủi ro do hạn, mặn gây ra, các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất, bố trí mùa vụ xuống giống sớm ở vụ Đông Xuân, vận hành hệ thống công trình hợp lý, chuẩn bị các giải pháp ứng phó ngay từ đầu mùa khô, đặc biệt là chủ động tích trữ nước. Đồng thời tăng cường công tác giám sát mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước. 

**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Nghĩa Hùng*